

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2022

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Doanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Bà Nguyễn Thị Hương

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia  
phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX-ST ngày 15/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Trần D, sinh năm 1989

Cùng cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

*(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về chung sống tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 01/2021 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Nhật M, sinh ngày 01/10/2018, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị xin được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H

làm tại Công ty TNHH TMDV và Du lịch G địa chỉ số X, đường Y, KĐT Petro T, thành phố T, tỉnh Thái Bình có thu nhập là 7.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của anh D ngày 25/7/2022 thể hiện:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như chị Nguyễn Thị H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đ một thời gian sau đó chuyển về sinh sống và Đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì anh D không đồng ý ly hôn, nếu chị H nhường quyền nuôi con cho anh thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Nhật M, sinh ngày 01/10/2018, hiện đang ở cùng vợ chồng anh. Ly hôn, anh D đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh D đi làm lao động tự do, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Đ một thời gian sau đó chuyển về sinh sống tại xã A, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh D có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cơ sở thôn không nắm được. Nay chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh D có 01 con chung là Trần Hoàng Nhật M, sinh ngày 01/10/2018, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần D là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/8/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sinh sống tại xã A, huyện Q. Quá trình chung sống đến tháng 01/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị H đề nghị ly hôn nhưng anh D không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ anh D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần D có 01 con chung là Trần Hoàng Nhật M, sinh ngày 01/10/2018. Ly hôn, chị H, anh D đều đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của chị H, anh D là hoàn toàn chính đáng, cháu Minh đã trên 36 tháng tuổi, tuy nhiên chị H chứng minh được có công việc và thu nhập ổn định tại Công ty TNHH TMDV và Du lịch Gia Hưng trong khi đó anh D không chứng minh được công việc và thu nhập. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần D.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng Nhật M, sinh ngày 01/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18

tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0004693 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Doanh**